

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM BÁO CÁO 2022

Quảng ninh, tháng 4 năm 2023

Số: 30 /BC - CKMK

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN
Năm báo cáo 2022

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700526478

Vốn điều lệ: 14.325.780.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 14.325.780.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*)

Địa chỉ: Khu Quang Trung, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 0203.3871312

Số fax: 0203.3871387

Website: <http://cokhimaokhe.com.vn>

Mã chứng khoán: CMK

*** Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin là doanh nghiệp thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thành lập ngày 27/02/1982 - Theo Quyết định số: 05MT - TCCB của Bộ trưởng Bộ Mỏ và Than.

Kể từ khi thành lập cho đến tháng 3/1996 Công ty có tên là “ Nhà máy Cơ khí Mạo Khê” là đơn vị thành viên của Công ty Than Uông Bí.

Thực hiện Nghị định 27 - CP của Thủ tướng Chính phủ, kể từ tháng 4 năm 1996 Công ty trở thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam, do cơ quan Nhà nước quản lý được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền quyết định thành lập theo đề nghị của Tổng công ty Than Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 03/2002/QĐ - BCN ngày 02/01/2002/QĐ - BCN ngày 02/01/2002 của Bộ Công nghiệp chuyên “Nhà máy Cơ khí Mạo Khê”, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam thành đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty Than Mạo Khê.

Từ ngày 01/01/2005 theo Quyết định số 125/2004/QĐ- BCN ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ Công nghiệp “ Nhà máy Cơ khí Mạo Khê” được chuyển thành “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê”.

Từ tháng 7/2007 Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê trở thành Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với tên gọi “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - TKV”

Đại hội cổ đông thường niên tháng 4 năm 2011, Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - TKV đổi tên thành “ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin”

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu - Chế tạo các thiết bị phụ tùng phục vụ khai thác, vận tải sàng tuyển than và thiết bị chế biến vật liệu xây dựng - Chế tạo các loại xích máng cào và xích phục vụ giao thông, công nghiệp xi măng và mía đường | 2599 |
| 2 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 3 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 2511 |
| 4 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 5 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: - Thiết kế kết cấu thép - Thiết kế thiết bị phụ tùng phục vụ khai thác, vận tải sàng tuyển than và thiết bị chế biến vật liệu xây dựng - Thiết kế các loại xích máng cào và xích phục vụ giao thông, công nghiệp xi măng và mía đường | 7110 |
| 6 | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 3011 |
| 7 | Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe | 3020 |
| 8 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2392 |
| 9 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
| 10 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 11 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 4662 |
| 12 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710 |
| 13 | Sản xuất thiết bị điện khác | 2790 |
| 14 | Sửa chữa thiết bị điện | 3314 |
| 15 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |

Địa bàn kinh doanh: Trên toàn lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra.
- Ban Giám đốc điều hành: Gồm có Giám đốc, các phó giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Phòng ban chức năng: Gồm 05 phòng : (1) Phòng Tổ chức - Hành chính, (2) Phòng Kế hoạch - Vật tư, (3) Phòng Kỹ thuật - Công nghệ, (4) Phòng Kế toán - Tài chính (5) Phòng Cơ điện – An toàn.
- Phân xưởng sản xuất: Gồm 03 phân xưởng: (1) Phân xưởng Xích vòng và Đúc, (2) Phân xưởng Cơ khí, (3) Phân xưởng Kết cấu.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chung: Đẩy mạnh sản xuất, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý phù hợp, từng bước đổi mới công nghệ, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, năng suất, sức cạnh tranh của sản phẩm, đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất, cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động; bảo toàn và phát triển vốn.

- Chiến lược trung và dài hạn: Công ty xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030, Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê -Vinacomin xây dựng Công ty thành đơn vị cơ khí chủ lực của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của Việt Nam chuyên chế tạo các thiết bị chuyên dùng trong khai thác hầm lò, chế biến than phục vụ cho ngành khai thác than, khoáng sản Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2022 do tình hình dịch bệnh Covid – 19 còn diễn biến phức tạp trên thế giới, nhất là tại Trung Quốc và tình hình chiến sự căng thẳng Nga-Ucraina tác động thị trường vật tư sắt thép đầu vào ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Bằng nhiều giải pháp tích cực, Công ty đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt kế hoạch đề ra. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022: Tổng Doanh thu đạt 199.181 triệu đồng bằng 104,8% kế hoạch năm và bằng bằng 105,2 % so với năm 2021 ; Lợi nhuận trước thuế năm đạt 2.551 triệu đồng, bằng năm đạt 102 % kế hoạch năm; bằng 113,2 % so với năm 2021.

- Các chỉ tiêu khác đều đạt kế hoạch đề ra.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1. Tóm tắt lý lịch Giám đốc Nguyễn Hải Long

- Họ và tên: NGUYỄN HẢI LONG
 - Giới tính: Nam
 - Số CMND: 100585024 Ngày cấp: 20/8/2008
 - Ngày tháng năm sinh: 24/7/1970
 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Cộng Hòa - Chí Linh - Hải Dương
 - Địa chỉ thường trú: Tổ 9, khu 9B - Phường Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh.
 - Số điện thoại: 0912191998
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
 - Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 6/1993 - 3/2004: Cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp đóng tàu Hạ Long
 - + Từ tháng 4/2004 - 7/2005: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty Cơ khí đóng tàu Than Việt Nam;
 - + Từ tháng 8/2005 - 11/2005: Quyền Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty Cơ khí đóng tàu Than Việt Nam;
 - + Từ tháng 12/2005 - 02/2009: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty Cơ khí đóng tàu Than Việt Nam (Công ty Cơ khí đóng tàu TKV).
 - + Từ tháng 3/2009 - 7/2011: Phó Giám đốc Công ty Cơ khí đóng tàu TKV
 - + Từ tháng 8/2011 - 11/2013: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần thiết bị điện – Vinacomin.
 - + Từ tháng 12/ 2013 đến nay : Giám đốc Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy công ty.
 - Số cổ phần nắm giữ: 2 810 cổ phần
 - Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 2 810 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
 - + Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
- 2.1.2. Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc Vương Quốc Hà**
- Họ và tên: VƯƠNG QUỐC HÀ - Giới tính: Nam

- Số CMND/CCCD: 022078002981 Ngày cấp: 23/7/2019
 - Ngày tháng năm sinh: 10/08/1978
 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh
 - Địa chỉ thường trú: Hưng Đạo - Đông Triều - Quảng Ninh.
 - Số điện thoại: 0912935537
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy.
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 3/2004-6/2009: Kỹ sư phòng Thiết kế & Công nghệ Công ty CP cơ khí Mạo Khê;
 - + Từ 07/2009-11/2010: Quyền phó phòng Thiết kế Công nghệ;
 - + Từ 12/2010-10/2011: Phó phòng Thiết kế & Công nghệ;
 - + Từ 11/2011-10/2012: Quản đốc PX Sửa chữa & lắp ráp;
 - + Từ 11/2012-6/2013: Phó Trưởng phòng Thiết kế Công nghệ;
 - + Từ 7/2013-5/2015: Trưởng phòng Thiết kế Công nghệ;
 - + Từ 6/2015-4/2017 Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh;
 - + Từ 5/2017 đến nay: Phó Giám đốc công ty; Ủy viên BTV Đảng ủy; Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng Ủy Công ty.
 - Số cổ phần nắm giữ: 176 cổ phần
- Trong đó:
- + Sở hữu cá nhân: 176 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần.
 - + Họ tên và quan hệ của người có liên quan: Không
 - + Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.
- 2.1.3. Tóm tắt lý lịch của Kế toán trưởng : Bùi Thị Khánh Hà**
- Họ và tên: BÙI THỊ KHÁNH HÀ
 - Giới tính: Nữ
 - Số CCCD : 022185005348 Ngày cấp: 07/03/2019
 - Ngày tháng năm sinh: 06/10/1985

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Yên Đức – Thị Xã Đông Triều – Tỉnh Quảng Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Khu Vĩnh Xuân – Phường Mạo Khê – Thị xã Đông Triều – Q. Ninh.
- Số điện thoại: 0983 213 610
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Quá trình công tác :
 - + Từ tháng 2/2008 - 5/2018 : Nhân viên Phòng Kế toán – Thống Kê – Tài chính Công ty Cơ khí Mạo Khê - TKV (nay là Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin).
 - + Từ tháng 6/2018 – 1/2020: Phó phòng Kế toán – Tài Chính - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin.
 - + Từ tháng 2/2020 đến tháng 9/2022: Phó phòng – Phụ trách Kế toán - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.
 - + Từ tháng 9/2022 đến nay: Kế toán trưởng Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng bộ công ty,

Số cổ phần nắm giữ : 6.325 cổ phần

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 6.325 cổ phần
- + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
- + Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 8.080 cổ phần.
- Họ tên và quan hệ của người có liên quan:
 - + Chồng : Đỗ Đắc Thành, Cổ phần nắm giữ : 4.040 cổ phần.
 - + Bố chồng : Đỗ Đắc Cừ , số cổ phần nắm giữ : 4.040 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Bà Bùi Thị Khánh Hà chính thức được bổ nhiệm Kế toán trưởng từ tháng 9/2022.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBCNV là 250 người. Các chính sách đối với người lao động thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của HĐQT công ty, các công trình, hạng mục đầu tư thực hiện, phù hợp với điều kiện của Công ty.

* Kế hoạch thực hiện:

Công ty đã triển khai thực hiện công tác đầu tư theo kế hoạch năm 2022 điều chỉnh: Thực hiện công trình chuyển tiếp cho 02 dự án có giá trị thực hiện là 970 Tr. đồng, công trình khởi công mới cho 01 dự án có tổng mức đầu tư là 3.220 Tr.đồng; thực hiện công tác chuẩn bị cho 01 dự án có tổng mức đầu tư là 2.740 Tr. đồng, với giá trị thực hiện trong năm 2022 là 2.600 Tr. đồng. Tổng giá trị phải thực hiện theo năm kế hoạch là 4.450 Tr. đồng

* Kết quả thực hiện:

- Đối với công trình chuyển tiếp:

+ Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2018 - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin: Dự án đã được thực hiện và hoàn thành trong I năm 2022 với giá trị thực hiện đạt là 850/850 Tr. đồng.

+ Dự án: Đầu tư nâng cấp Hệ thống phần mềm quản lý văn bản nội bộ (Để thực hiện kết nối được trực liên thông văn bản nội bộ TKV): Công trình được thực hiện và hoàn thành trong năm 2022 với giá trị thực hiện đạt là 120/120 Tr. đồng.

- Đối với công trình khởi công mới: Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2021 - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin: Trong năm 2022 Công ty thực xong 01 hạng mục: 01 Lò nung phôi trung tần (Thực hiện nguyên công bước 2): giá trị đạt 1.000 Tr. đồng; Bị chậm tiến độ hạng mục đầu 01 Máy tiện CNC: 1.270 Tr. đồng do nhà thầu cung cấp đã chậm giao hàng cho Công ty do phía nước sản xuất cũng đang bị ảnh hưởng nặng nề dịch bệnh Covid-19 nên đã không thể cung cấp được thiết bị theo tiến độ hợp đồng mà nhà thầu đã ký kết với chủ đầu tư; Đối với hạng mục 01 Cổng trục 5 Tấn: 700 Tr. đồng: Công ty đề nghị tạm dừng không thực hiện cho phù hợp với nhu cầu thực tế, để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Giá trị thực hiện đối với công trình khởi công mới đạt là 1.150/3.220 Tr. đồng.

- Đối với công tác chuẩn bị dự án: Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2022 - Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin: Dự kiến trong năm 2022 Công ty thực hiện xong công tác chuẩn bị dự án, giá trị thực hiện đạt 50/260 Tr. đồng.

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư cả năm 2022 của Công ty giá trị thực hiện đạt 2.170/4.450 Tr.đồng giá kế hoạch, đạt tỷ lệ 48,8 % kế hoạch đề ra.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

DVT: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng giảm |
|---------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 163.887.733.680 | 167.442.849.570 | 102,17 |
| Doanh thu thuần | 189.319.041.815 | 198.501.398.525 | 104,85 |
| Lợi nhuận từ hoạt động KD | 2.312.791.337 | 2.641.727.715 | 114,22 |
| Lợi nhuận khác | -61.119.135 | -90.953.808 | 148,81 |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.251.672.202 | 2.550.773.907 | 113,28 |

| | | | |
|----------------------------|---------------|---------------|--------|
| Lợi nhuận sau thuế | 1.752.630.962 | 1.565.334.434 | 89,31 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 7 | 7 | 100,00 |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 0,94 | 0,96 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | 0,59 | 0,67 | |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,9 | 0,87 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 7,52 | 7,47 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | 3,14 | 3,70 | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,16 | 1,19 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,01 | 0,01 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 7,19 | 11,07 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 1,07 | 0,93 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh Doanh/Doanh thu thuần | 0,01 | 0,01 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

| | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
|-------------------------|------------|------------|
| Tổng số cổ phiếu | 1.432.578 | 1.432.578 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.432.578 | 1.432.578 |

| | | |
|--|-----------|-----------|
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.432.578 | 1.432.578 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.432.578 | 1.432.578 |
| Trong đó: +Chuyển nhượng tự do | 1.432.578 | 1.432.578 |
| + Hạn chế chuyển nhượng | | |

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

5.2. Cơ cấu cổ đông:

* *Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước*

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than - khoáng sản Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 57 00100256.

Trụ sở: 226 Lê Duẩn; Đống Đa; Hà Nội.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 521.418 chiếm tỷ lệ: 36,39% vốn Điều lệ.

* *Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập*

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập:

| TT | Loại cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|----|--|------------------|-------------------|
| 1 | Nhà nước: Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam | 521.418 | 36,39 |
| 2 | Cổ đông khác | 911.160 | 63,61 |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 |
| | Tổng | 1432587 | 100 |

* *Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài (Không có)*

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm: 2.518 tấn. Trong đó hầu hết được tiêu hao vào sản phẩm, không có tái chế sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: nguồn năng lượng chủ yếu của Công ty là năng lượng điện. Năm qua lượng Điện năng tiêu thụ 1.595.617 Kwh; Dầu diesel 45.776 lít; Xăng A95 19.000 lít; Than củi 109.680Kg quy đổi tổng các loại năng lượng sử dụng trong năm 2022 tương đương 379 TOE

6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước là nước sạch từ Công ty cung cấp nước sạch Quảng Ninh; trong năm tổng lượng nước tiêu thụ là: 16.280 m³; Công ty đã có biện pháp sử dụng tái chế nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn chấp hành đúng và đầy đủ về pháp luật về bảo vệ môi trường; không có vi phạm phải xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. *Số lượng lao động, mức lương trung bình*: Tổng số lao động là 268 người. Lao động bình quân sử dụng trong năm là 250 người. Mức lương bình quân là 8.778 triệu đồng /người/tháng.

b. *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*.

* Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần.

- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

* Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

- Chính sách lương và thưởng: Công ty áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả kinh doanh. Tiền thưởng cũng được xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của từng nhân viên.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

* Chính sách đối với người lao động: Công ty luôn chú trọng chất lượng nguồn nhân lực; thường xuyên sắp xếp bố trí nguồn nhân lực theo yêu cầu của từng giai đoạn phát triển của Công ty cho phù hợp; Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao năng lực người lao động; có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho CBCNV. Sử dụng quỹ phúc lợi cho các hoạt động nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi, tăng cường văn hoá doanh nghiệp. Đẩy mạnh phong trào thi đua, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 16 giờ/người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Chủ yếu theo chương trình của Tập đoàn Công nghiệp Than - khoáng sản Việt Nam

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty thường xuyên có các chương trình xây dựng, ủng hộ địa phương nhằm phát triển văn hóa cộng đồng tại địa phương như xây dựng nhà văn hóa khu phố, ủng hộ xây dựng chùa triền; đóng góp các quỹ do địa phương huy động.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Năm 2022 Công ty CP Cơ khí Mạo Khê Vinacomim đã thực hiện tốt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu đều đạt vượt mức kế hoạch: Tổng Doanh thu đạt 199.181 triệu đồng bằng 104,8 % kế hoạch năm; Lợi nhuận trước thuế năm đạt 2.551 triệu đồng so với kế hoạch năm đạt 102 %.

- Các chỉ tiêu khác đều đạt kế hoạch

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Đã được tăng cường và áp dụng có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | Số cuối năm | Số đầu năm | So sánh (+/-) |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 139 375 960 064 | 135 825 652 967 | 3.550.307.097 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5 349 278 898 | 1 603 407 326 | 3.745.871.572 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 89 014 927 435 | 81 050 217 863 | 7.964.709.572 |
| Trả trước cho n.bán ngắn hạn | 1 100 969 402 | 562 386 180 | 538.583.222 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 1 013 671 200 | 1 298 062 793 | -284.391.593 |
| Hàng tồn kho | 42 353 738 419 | 50 872 430 703 | -8.518.692.284 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 543 374 710 | 439 148 102 | 104.226.608 |
| B. Tài sản dài hạn | 28 066 889 506 | 28 062 080 713 | 4.808.793 |
| Tài sản cố định | 26 737 760 490 | 26 117 332 637 | 620.427.853 |
| Chi phí XD cơ bản dở dang | 137 491 634 | | 137.491.634 |
| Tài sản dài hạn khác | 1 191 637 382 | 1 944 748 076 | -753.110.694 |
| Tổng cộng tài sản | 167 442 849 570 | 163 887 733 680 | 3.555.115.890 |
| C. Nợ phải trả | 145 659 942 305 | 148 048 570 283 | -2.388.627.978 |
| I. Nợ ngắn hạn | 144 617 181 237 | 144 769 969 988 | -152.788.751 |
| II. Nợ dài hạn | 1 042 761 068 | 3 278 600 295 | -2.235.839.227 |
| D. Vốn chủ sở hữu | 21 782 907 265 | 15 839 163 397 | 5.943.743.868 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 19 500 751 939 | 19 688 048 467 | -187.296.528 |
| II. Nguồn k.phí và quỹ khác | 2 282 155 326 | -3 848 885 070 | 6.131.040.396 |
| Tổng cộng nguồn vốn | 167 442 849 570 | 163 887 733 680 | 3.555.115.890 |

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2022 tăng 3.555.115.890 đồng so với đầu năm 2022 bao gồm các chỉ tiêu :



- Tài sản ngắn hạn : Tăng 3.550.307.097 đồng, chủ yếu là do phải thu ngắn hạn tăng.

7.964.709.572 đồng tương ứng tăng 10%. Nguyên nhân đã thu được lượng tiền hàng của cuối năm 2022, tuy nhiên số phải thu khách hàng của Công ty vẫn còn cao do xuất hóa đơn cho khách hàng chủ yếu tập trung quý 4 nên chưa có đủ hồ sơ thủ tục thanh toán để thu hồi công nợ thời điểm 31/12/2022.

- Tài sản dài hạn : tăng 4.808.793 đồng chủ yếu do trích khấu hao tài sản cố định, mặc dù trong năm 2022 tài sản cố định Công ty tăng là 620.427.853 đồng.

2.2 Về nguồn vốn

Tổng giá trị nguồn vốn cuối năm 2022 tăng 3.555.115.890 đồng so với đầu năm 2022, tương ứng với 2,169% bao gồm các chỉ tiêu :

- Chỉ tiêu nợ ngắn hạn : Giảm 152.788.751 đồng tương ứng 0,106%, chủ yếu là giảm ở mục vay nợ tài chính ngắn hạn là 1.083.239.025 đồng và giảm mục thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 1.056.952.804

- Chỉ tiêu nợ dài hạn : Giảm 2.235.839.227 đồng tương ứng với 68 % là do Công ty đã tích cực trả vay dài hạn ngân hàng theo đúng hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục duy trì công tác khoán, quản trị chi phí trên các lĩnh vực; sắp xếp tinh giản bộ máy gián tiếp phục vụ phụ trợ; ổn định tổ chức sản xuất tại các đơn vị, điều chuyển lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc và từng phòng ban, phân xưởng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng tin học hóa cao các khâu quản lý, sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới.

- Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ngoài ngành.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Đảm bảo đúng quy định.

6.2. Đánh giá liên quan đến người lao động: Thực hiện đúng quy định

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, địa phương: Thực hiện đầy đủ.

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Công ty đã và đang hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm lợi nhuận kế hoạch; Đảm bảo tốt nghĩa vụ đối với môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc đã thực hiện, triển khai kịp thời các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và thường xuyên trao đổi, xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| TT | Họ và tên | Tỷ lệ SHCP có quyền biểu quyết | Ghi chú |
|----|------------------|--------------------------------|---|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | 36,39 | Chủ tịch, Thành viên độc lập, đại diện vốn Nhà nước tại Công ty (TKV) |
| 2 | Nguyễn Hải Long | 0,2 | Thành viên, Giám đốc điều hành |
| 3 | Đặng Văn Phôi | 1,36 | Thành viên |
| 4 | Đỗ Văn Hình | 3,46 | Thành viên, Chủ tịch công đoàn |
| 5 | Vương Quốc Hà | 0,01 | Thành viên, phó Giám đốc |

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty; Tổ chức họp và giải quyết tổng thể các việc liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD và các công việc liên quan khác trong thẩm quyền. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Kết quả các cuộc họp: Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành 11 phiên họp. Các cuộc họp đều diễn ra với tinh thần trách nhiệm. HĐQT đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung theo quy định và ban hành đầy đủ nội dung biên bản, nghị quyết cuộc họp để Ban Giám đốc triển khai thực hiện. Nội dung những vấn đề được ban hành bao gồm:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua (%) |
|-----|------------------------------|------------|---|---------------------------|
| 1 | 21/NQ-CKMK | 27/01/2022 | Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. | 100 |
| 2 | 22/NQ-CKMK | 27/01/2022 | 1. Thông qua quyết toán thù lao, tiền thưởng năm 2020 đối với người đại diện của TKV tại Công ty | 100 |
| 3 | 23/NQ-CKMK | 31/3/2022 | 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh tháng 3, quý 1 và các giải pháp điều hành SXKD năm 2022 2. Thông qua định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và một số hệ số tài chính của Công ty năm 2022. 3. Thông qua nội dung dự thảo các tài liệu Đại hội đồng cổ đông. 4. Thông qua quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty. 5. Thông qua việc bổ sung bảng lương chuyên gia vào hệ thống thang bảng lương Công ty | |
| 4 | 24/NQ-CKMK | 31/3/2022 | Thông qua ủy quyền vay vốn SXKD năm 2022 | 100 |
| 5 | 25/NQ-CKMK | 16/4/2022 | Rà soát và thống nhất triển khai thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 20/4/2022 như chương trình, kế hoạch | 100 |
| 6 | 27/NQ-CKMK | 06/7/2022 | Thông qua việc Bổ nhiệm lại cán bộ | 100 |
| 7 | 28/NQ-CKMK | 06/7/2022 | 1. Xem xét và cho ý kiến về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD tháng 6, 6 tháng, kế hoạch tháng 7, quý III năm 2022. 2. Rà soát kết quả đánh giá người đại diện của TKV năm 2021. 3. Xem xét kết quả rà soát văn bản nội bộ của Công ty. | 100 |
| 8 | 29/NQ-CKMK | 24/8/2022 | 1. Thông qua kq thực hiện SXKD 7 tháng, dự kiến thực hiện tháng 8, quý III năm 2022; triển khai các văn bản quản lý của TKV. 2. Thông qua phê duyệt Thang bảng | 100 |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua (%) |
|-----|------------------------------|------------|--|---------------------------|
| | | | lương của Công ty. 3. Ý kiến của HĐQT Công ty về một số nội dung trình của Công ty. | |
| 9 | 30/NQ-CKMK | 06/9/2022 | Thông nhất thông qua bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty | 100 |
| 10 | 31/NQ-CKMK | 19/2022 | 1. Xem xét Quy chế q.ly đầu tư Công ty 2. Xem xét Quy chế q.ly cán bộ Công ty | 100 |
| 11 | 32/NQ-CKMK | 10/10/2022 | Phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 điều chỉnh của Công ty. | 100 |
| 12 | 33/NQ-CKMK | 03/11/2022 | 1. Thông qua kết quả SXKD 10 tháng đầu năm 2022, dự kiến thực hiện SXKD tháng 11, 12 năm 2022 của Công ty và các mặt quản lý khác; 2. Về sửa đổi bổ sung thang bảng lương của Công ty. 3. Phê duyệt Quy chế cán bộ của Công ty. 4. thông qua đơn vị đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. 5. Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ. 6. Trình xin chủ trương bổ nhiệm phó Giám đốc Công ty | 100 |
| 13 | 34/NQ-CKMK | 16/11/2022 | 1. Thông qua việc bổ nhiệm lại cán bộ. 2. Triển khai một số công tác quản lý và các văn bản của TKV. | 100 |
| 14 | 35/NQ-CKMK | 16/11/2022 | Thông qua Phương án, chủ trương bổ nhiệm 01 phó giám đốc. | 100 |
| 15 | 36/NQ-CKMK | 29/12/2022 | 1. Phê duyệt QĐ thi hành kỷ luật cán bộ 2. Thông qua Chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023. 3. Phê duyệt quyết toán thù lao, tiền thưởng năm 2021 của người đại diện của TKV tại Công ty và Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm | 100 |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua (%) |
|-----|------------------------------|------|--|---------------------------|
| | | | 2023 4. Thông qua kết quả thực hiện khoản chi phí năm 2022, các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023. 5. Thông qua Dự thảo Quy chế tài chính | |

- Thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao: Mặc dù năm 2022 là một năm rất khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và những tác động bất lợi từ thị trường vật tư đầu vào nhưng HĐQT đã hoàn thành tốt vai trò chỉ đạo Công ty cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát: Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng...) thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra.

Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không có tiểu ban

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

| TT | Họ và tên | Tỷ lệ SHCP có quyền biểu quyết | Ghi chú |
|----|----------------------|-----------------------------------|------------|
| 1 | Lê Hồng Quang | - | Trưởng ban |
| 2 | Đình Mai Lâm | 0,26 | Thành viên |
| 3 | Nguyễn Đại Dương Anh | - | Thành viên |

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo chức năng và quy định của Điều lệ Công ty. Trong quá trình hoạt động, các thành viên Ban Kiểm soát đã thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty để nắm bắt những vấn đề, sự kiện phát sinh liên quan đến quá trình hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty.

- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Đưa ra các ý kiến đối với các vấn đề có liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các quyết định đầu tư, tham gia sửa đổi và bổ sung các quy chế quản lý, quy định trong nội bộ Công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, cả năm và đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đề ra. Kiểm tra thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, năm; nhận xét, đánh giá kiến nghị những tồn tại trong hoạt động với Ban lãnh đạo điều hành để khắc phục.

- Trong năm 2022; BKS đã tổ chức 4 cuộc họp với Bộ máy quản lý điều hành:

(1) Cuộc họp và làm việc ngày 25/3/2022: Thông qua kết quả kiểm soát năm 2021; Thẩm định BCTC năm 2021 và các Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

(2) Cuộc họp và làm việc ngày 11/5/2022: Thông qua kết quả kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và BCTC quý 1 năm 2022.

(3) Cuộc họp và làm việc ngày 02/8/2022: Thông qua kết quả kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và thẩm định BCTC 6 tháng năm 2022.

(4) Cuộc họp và làm việc ngày 02/11/2022: Thông qua kết quả kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và thẩm định BCTC 9 tháng năm 2022.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kiểm soát. Ban kiểm soát đã có kiến nghị đề xuất với Giám đốc công ty để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số tiền (ng.đồng) | Ghi chú |
|----|------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| 1 | Nguyễn Trọng Tốt | Chủ tịch HĐQT | 61.680 | Thù lao |
| 2 | Nguyễn Hải Long | Thành viên HĐQT, Giám đốc | 402.336 | Lương + thù lao |
| 3 | Đỗ Văn Hinh | Thành viên HĐQT, Chủ tịch CĐ | 328.153 | “ |
| 4 | Đặng Văn Phối | Thành viên HĐQT | 340.795 | “ |
| 5 | Vương Quốc Hà | Thành viên HĐQT - P. Giám đốc | 350.708 | “ |

| | | | | |
|---|----------------------|----------------|---------|--------------------|
| 6 | Lê Hồng Quang | Trưởng BKS | 315.153 | Lương |
| 8 | Đình Mai Lâm | Thành viên BKS | 187.510 | Lương + thù lao |
| 9 | Nguyễn Đại Dương Anh | Thành viên BKS | 206.245 | “ |

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: *Không*)

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Giao dịch giữa công ty với công ty mà ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là thành viên HĐQT của các công ty trong năm 2022:

- Hợp đồng giao dịch với Công ty Than Đèo Nai: tổng giá trị 3.879 trđ.
- Hợp đồng giao dịch với Công ty Than Vàng Danh: tổng giá trị 18.584 trđ.
- Hợp đồng giao dịch với Công ty Than Hà Lâm: tổng giá trị 12.439 trđ.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

* Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ : Tại thuyết minh số 04 (Phải thu ngắn hạn khách hàng) của bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang theo dõi khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 4 với số tiền là : 3.244.133.019 đồng do Công ty làm thầu phụ cho Công ty này. Dự án này do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam làm chủ đầu tư và đang trong giai đoạn quyết toán. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 4 đã có công văn đề nghị Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ (Công ty Cổ phần Cơ Khí Mạo Khê), tuy nhiên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam chưa có văn bản trả lời về vấn đề này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản công nợ trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề đó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

* Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “ Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

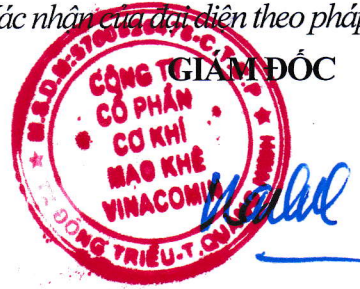
*** Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Địa chỉ Website công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:
<http://cokhimaokhe.com.vn>

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, Ban GD, KKT;
- Lưu: Thư ký, VP.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật Công ty



Nguyễn Hải Long

